

## PHỤ LỤC SỐ 01

### NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH ( MCK: DFC)



#### Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong cột “Điều lệ công ty hiện hành (1)” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **bôi đậm, gạch chân**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung sau sửa đổi (2)” là phần **màu đỏ, bôi đậm, in nghiêng**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều lệ công ty hiện hành (1)	Nội dung sau sửa đổi (2)	Lý do sửa đổi (3)
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b> 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b> 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Cập nhật, bổ sung theo Điều 1 Phụ lục I – Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>b. “Luật Doanh nghiệp” Có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b><u>68/2014/QH13</u></b> được Quốc hội thông qua <b><u>ngày 26 tháng 11 năm 2014</u></b>;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số <b><u>70/2006/QH11</u></b> thông qua <b><u>ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 ;</u></b></p> <p>d. “Luật Lao động” là Bộ Luật Lao động số 10/2012/2013 thông qua ngày 18 tháng 06 năm 2012;</p> <p>đ. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>f. “Cán bộ quản lý khác” là các chức danh do <b><u>Tổng Giám đốc</u></b> bổ nhiệm như Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất...</p>	<p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số <b><i>59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</i></b></p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số <b><i>54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></b></p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>f. "Người quản lý <b><i>doanh nghiệp</i></b>" là người quản lý công ty, bao gồm <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</i></b></p> <p>g. “Cán bộ quản lý khác” là các chức danh do <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i></b> bổ nhiệm như Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất...;</p>	

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b><u>Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;</u></b></p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <b><u>khoản 9 Điều 6</u></b> Luật chứng khoán;</p> <p>j. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>k. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>2. Trong Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử</p>	<p>h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <b><i>khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</i></b></p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 7 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p><b><i>j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</i></b></p> <p><b><i>k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</i></b></p> <p><b><i>l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4</i></b> Luật Chứng khoán;</p> <p>m. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>n. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p><b><i>o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</i></b></p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	
<p><b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	<p><b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH</b></li> <li>- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: <b>DONG ANH C &amp; F JOINTSTOCK COMPANY</b></li> <li>- Tên Công ty viết tắt: <b>DFC</b></li> <li>- Logo:</li> </ul> 	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH</b></li> <li>- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: <b>DONG ANH C &amp; F JOINTSTOCK COMPANY</b></li> <li>- Tên Công ty viết tắt: <b>DFC</b></li> <li>- Logo:</li> </ul> 	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân</p> <p>Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước - Công ty TNHH NN MTV Xích Líp Đông Anh thành Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh. Công ty có vốn Điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. <b><u>Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.</u></b></p> <p>3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 11- tổ 47- Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>4. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:</p> <p>- Địa điểm 1: Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh, Số 11- tổ 47- Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh -</p>	<p>2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân</p> <p>Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước - Công ty TNHH NN MTV Xích Líp Đông Anh thành Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh. Công ty có vốn Điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. <b><i>Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</i></b></p> <p>3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 - tổ 47 - Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>4. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:</p> <p>- Địa điểm 1: Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh, Số 11- tổ 47- Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông</p>	

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p>Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>- Địa điểm 2: Xí nghiệp Phụ tùng, Thôn Khê Nữ - Xã Nguyên Khê - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>5. Người đại diện theo Pháp luật: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn <b><u>theo</u></b> khoản 2 Điều <b><u>48</u></b> hoặc gia hạn hoạt động theo Điều <b><u>49</u></b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty <b><u>Cổ phần Xích Líp Đông Anh là 50 năm bắt đầu từ ngày 27/08/2009.</u></b></p>	<p>Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>- Địa điểm 2: Xí nghiệp Phụ tùng, Thôn Khê Nữ - Xã Nguyên Khê - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.</p> <p>5. Người đại diện theo Pháp luật: Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <b><i>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.</i></b></p> <p>6. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 Điều lệ này, <b><i>thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</i></b></p>	
<p style="text-align: center;"><b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:</p>	<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:</p>	

Điều lệ công ty hiện hành (1)		Nội dung sau sửa đổi (2)				Lý do sửa đổi (3)	
TT	Tên ngành	TT	Tên ngành	Mã ngành			Mã
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511			
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512			
3	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	3	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513			
4	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	4	Rèn, dập, ép và cán kim loại	2511			
5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2512			
6	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	6	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2513			
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	2599			
8	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	8	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814			
9	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	9	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815			
10	Sản xuất máy thông dụng khác. - Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	10	Sản xuất máy thông dụng khác. - Chi tiết: Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819			
11	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	11	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822			
12	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	12	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2830			
13	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	13	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092			
14	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự.	14	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự.	3099			
15	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	15	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3310			

Điều lệ công ty hiện hành		Nội dung sau sửa đổi		Lý do sửa đổi	
(1)		(2)		(3)	
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	16	Sửa chữa máy móc, thiết bị 3312		
17	Sửa chữa thiết bị điện	17	Sửa chữa thiết bị điện 3314		
18	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	18	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) 3315		
19	Sửa chữa thiết bị khác. - Chi tiết: Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;	19	Sửa chữa thiết bị khác. - Chi tiết: Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; 3319		
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp 3320		
21	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	21	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác 4530		
22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy 4543		
23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại 4602		
24	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. - Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;	24	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. - Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; 4773		
25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. 4639		
26	Cho thuê xe có động cơ	26	Cho thuê xe có động cơ 7710		
27	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	27	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác 7730		

Điều lệ công ty hiện hành (1)		Nội dung sau sửa đổi (2)		Lý do sửa đổi (3)	
	- Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;		- Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;		
28	Giáo dục nghề nghiệp	28	Giáo dục nghề nghiệp 8532		
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.		
30	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	30	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)		
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: - Không ngừng nâng cao lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; - Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; - Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.		2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: - Không ngừng nâng cao lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; - Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; - Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.			
<b>Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</b> 1. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ tôn trọng Pháp luật. 2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của		<b>Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</b> 1. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ tôn trọng Pháp luật. 2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công			

<b>Điều lệ công ty hiện hành</b> <b>(1)</b>	<b>Nội dung sau sửa đổi</b> <b>(2)</b>	<b>Lý do sửa đổi</b> <b>(3)</b>
<p>Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh là Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.</p> <p>4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.</p> <p>5. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê; trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>	<p>ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh là Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.</p> <p>4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.</p> <p>5. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê; trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p> <p>1. Công ty được lập kế hoạch và tiến hành tất cả các ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề khác được Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p> <p>1. Công ty được lập kế hoạch và tiến hành tất cả các ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề khác được Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	
<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ</p>	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo một đơn vị</p>	Cập nhật lại dẫn chiếu

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>thống nhất là Việt Nam đồng. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 (Sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại <b><u>Điều 10 và Điều 11</u></b> Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho <b><u>các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các</u></b> điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ</p>	<p>tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 (Sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại <b><i>Điều 11, Điều 12</i></b> Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho <b><i>cổ đông và người khác với</i></b> điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <b><i>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</i></b></p>	<p>Sửa theo Điều 6 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>phần được bán qua Sở giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật .</p> <p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p><b><u>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></b></p> <p>3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty,</p>	<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 7.Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p><b><i>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</i></b></p> <p>3. <b><i>Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam,</i></b> trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 7 Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 2 điều 4 Luật chứng khoán</p> <p>Viết chi tiết hơn</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p><b><u>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u></b></p> <p><b><u>Không có</u></b></p> <p><b>Điều 8. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần và thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. <b><u>Việc chuyển nhượng cổ phiếu đang đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo</u></b> quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <b><u>Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ</u></b></p>	<p>ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p><b><i>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</i></b></p> <p><b><i>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</i></b></p> <p><b><i>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại</i></b></p> <p><b><i>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</i></b></p> <p><b><i>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</i></b></p> <p><b>Điều 9. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần và thu hồi</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <b><i>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo</i></b> các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Sửa theo khoản 4 điều 7 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 3 điều 121 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điều 8 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bỏ nội dung “cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty” do nội dung này quy định tại khoản 3 điều 12 cột (2)</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p><b><u>và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</u></b></p> <p>2. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của Pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.</p> <p>5. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản thừa kế là cổ phần nhưng người được thừa</p>	<p>2. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của Pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.</p> <p>5. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.</p> <p>6. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ xử lý theo quy định của Pháp luật.</p> <p>7. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp cổ đông mới được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>8. Thu hồi cổ phần.</p> <p>a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <b><u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</u></b></p> <p>b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp</p>	<p>quyền để lại di sản thừa kế là cổ phần nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.</p> <p>6. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ xử lý theo quy định của Pháp luật.</p> <p>7. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp cổ đông mới được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>8. Thu hồi cổ phần.</p> <p>a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <b><i>và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</i></b></p> <p>b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các</p>	<p>Viết theo khoản 1 Điều 10 Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Viết theo khoản 5 Điều 10 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <b><u>thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm)</u></b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán <b><i>quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp</i></b>, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <b><i>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</i></b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	
<p><b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	<p><b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	
<p><b>Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty</b></p> <p>Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:</p>	<p><b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b></p> <p>Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:</p>	

Điều lệ công ty hiện hành (1)	Nội dung sau sửa đổi (2)	Lý do sửa đổi (3)
<p>1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc;</p> <p><b>Điều 10. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông <b><u>là người chủ sở hữu Công ty</u></b>, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. <b><u>Người nắm giữ</u></b> cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp <b><u>tại Đại hội đồng cổ đông</u></b> hoặc thông qua đại diện <b><u>được</u></b> ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <b><u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành</u></b>;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc.</p> <p><b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. <b><i>Cổ đông</i></b> phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua <b><i>người</i></b> đại diện <b><i>theo</i></b> ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, <b><i>bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i></b>. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, <b><i>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy</i></b></p>	<p>Bỏ phần nội dung không cần thiết</p> <p>Viết chi tiết hơn</p> <p>Viết theo điểm d khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí ) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p><b><u>Không có</u></b></p> <p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>định khác của pháp luật có liên quan;</i></b></p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <b><i>Điều 132</i></b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p><b><i>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i></b></p> <p><b><i>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông</i></b></p>	<p>Bổ sung theo điểm i, khoản 1 điều 12 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung theo điểm j,</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p> <p>h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên <b><u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng</u></b> trở lên có các quyền sau:</p> <p><b><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 33 Điều lệ này;</u></b></p> <p>c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 12 của Điều lệ này trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</li> <li>- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.</li> </ul> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị</p>	<p><i>tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p>1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b><i>năm phần trăm (05%)</i></b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p><b><i>Bỏ</i></b></p> <p>a. Yêu cầu <b><i>Hội đồng quản trị thực hiện việc</i></b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo <b><i>quy định tại khoản 2 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</i></b></p> <p><b><i>(Bỏ)</i></b></p> <p>b. Xem xét, <b><i>tra cứu, và</i></b> trích lục sổ biên bản và nghị</p>	<p>khoản 1 điều 12 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung theo điểm k, khoản 1 điều 12 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp</p> <p>Chuyển xuống khoản 4 điều 11 cột (2) theo điều 115 Luật doanh nghiệp</p> <p>Sửa theo khoản 2 điều 115 và điểm a, khoản 2 điều 120 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Viết theo điểm a khoản 2</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính <u>giữa năm</u> và hàng năm <u>theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam</u> và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>đ. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; <u>phải có</u> họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này</p>	<p>quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính <b><i>bán niên</i></b> và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, <b><i>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</i></b></p> <p><b><i>Bỏ</i></b></p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản <b><i>và phải bao gồm các nội dung sau đây:</i></b> họ, tên, địa chỉ <b><i>liên lạc</i></b>, quốc tịch, <b><i>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</i></b> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <b><i>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</i></b> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><b><i>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ này;</i></b></p> <p>e. Các quyền khác theo quy định <b><i>của pháp luật</i></b> và Điều lệ này.</p> <p><b><i>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có</i></b></p>	<p>Điều 115 Luật doanh nghiệp</p> <p>Sửa theo khoản 2 điều 115 Luật doanh nghiệp</p> <p>Viết theo điểm c khoản 2 điều 115 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm d khoản 2 điều 12 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Viết chi tiết hơn</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p><u>4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền, phần</u></p>	<p><i>quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</i></p> <p><i>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</i></p> <p><b>Bổ</b></p>	<p>Chuyển nội dung này xuống điều 15 cột (2) về đại diện theo ủy quyền</p>

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p><b><u>vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, trụ sở chính của cổ đông;</u></b></p> <p><b><u>b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền (Nếu có);</u></b></p> <p><b><u>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của từng người đại diện theo ủy quyền;</u></b></p> <p><b><u>d. Thời hạn đại diện theo ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;</u></b></p> <p><b><u>e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.</u></b></p>		
<p><b>Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho <b>người</b> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua <b>hộp</b> trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p>	<p>đồng, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho <b>cá nhân, tổ chức</b> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua <b>hội nghị</b> trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Hình thức tham dự đại hội và biểu quyết được qui định tại qui chế mỗi cuộc họp.</p> <p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm Pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.</p>	<p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p><i>6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p><i>7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</i></p> <p><i>8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bổ sung, điều chỉnh theo điều 13 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1, khoản 2 điều 139 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b><u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn</u></b>, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các Báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <b><u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các Báo cáo tài chính năm.</u></b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>(01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b><i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</i></b>, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b><i>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</i></b></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <b><i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</i></b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập <b><i>họp</i></b> Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>Viết theo khoản 4 điều 273 NBĐ 155/2020/TT-BTC</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p><b><u>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></b></p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập Đại hội cổ đông bất thường</p>	<p><b>(bỏ)</b></p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều <b>11</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. <b><i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện</i></b> bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Đề xuất lược bỏ nội dung điểm b khoản 3 Điều 12 cột (1) do Luật doanh nghiệp, NĐ 155/2020 /NĐ-CP đã bỏ quy định</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <b>ba mươi (30) ngày</b> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều này;</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập đại hội cổ đông gây ra.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Khoản 5 Điều 136</u></b> Luật doanh nghiệp;</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi hoàn thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập của Ban kiểm soát gây ra.</p>	<p>4. Triệu tập <b>họp</b> Đại hội <b>đồng</b> cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn <b>sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo qui định tại Khoản 1 Điều 154 và Khoản 1 Điều 168 Luật doanh nghiệp hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</b></p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập đại hội cổ đông gây ra.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><i>khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</i></b></p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi hoàn thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập của Ban kiểm soát gây ra.</p>	<p>Sửa theo điểm a khoản 4 điều 14 TT 116/2020/TT-BTC và điều 140, Điều 160 Luật doanh nghiệp</p> <p>Cập nhật lại dẫn chiếu do thay đổi Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><u>Khoản 6 Điều 136</u></b> Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p><b>c.</b> Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><i>khoản 4 Điều 140</i></b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p><b>d.</b> Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật lại dẫn chiếu do thay đổi Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm d khoản 4 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền <b><i>thảo luận và thông qua:</i></b></p> <p><b><u>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</u></b></p> <p><b><u>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</u></b></p> <p><b><u>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</u></b></p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền <b><i>và nghĩa vụ</i></b> sau:</p> <p><b><i>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</i></b></p> <p><b><i>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</i></b></p> <p><b><i>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng</i></b></p>	<p>Viết theo điều 138 Luật doanh nghiệp</p>



Điều lệ công ty hiện hành (1)	Nội dung sau sửa đổi (2)	Lý do sửa đổi (3)
<p><b><u>Không có</u></b></p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p>	<p>c. <i>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p>d. <i>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</i></p> <p>e. <i>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát;</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm g khoản 2 Điều 15 Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p>d. <b><u>Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</u></b></p> <p>đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <b><u>và thay thế</u></b> thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. <b><u>Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát; Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</u></b></p>	<p>h. <i>Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên</i> Ban kiểm soát;</p> <p>j. <i>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p>	<p>Viết theo điểm k khoản 2 Điều 15 Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC</p> <p>Viết chi tiết hơn</p> <p>Viết lại theo điểm i khoản 2 Điều 15 Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% <b><u>một loại cổ phần phát hành;</u></b></p>	<p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại trên 10% <b><i>tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></b></p>	<p>Viết theo điểm q khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và điểm g khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp</p>
<p>n. <b><u>Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></b></p>	<p><b><i>Bỏ</i></b></p>	<p>Lược bỏ theo khoản 2 Điều 275 NB 155/2020/TT-BTC</p>
<p>o. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>r. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>

Điều lệ công ty hiện hành (1)	Nội dung sau sửa đổi (2)	Lý do sửa đổi (3)
	của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	
	s. <b><i>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</i></b>	Bổ sung theo điểm t khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<b>Điều 14. <u>Các đại diện được ủy quyền</u></b>	Điều 15. <b><i>Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></b>	Viết theo điều 16 Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC
<b><u>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể</u></b>	<b><i>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy</i></b>	Viết lại theo khoản 1 điều 16 Phụ lục I TT

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p><b><u>ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.</u></b></p> <p>Trường hợp <b><u>có nhiều hơn một</u></b> người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p><i>quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>2. Trường hợp <i><b>cổ đông công ty là tổ chức cử</b></i> nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. <i><b>Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</b></i></p>	<p>116/2020/TT-BTC và khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p> <p>Viết chi tiết hơn theo khoản 3 điều 14 Luật doanh nghiệp</p>
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải <b><u>có chữ ký theo quy định sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></b></p> <p><b><u>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></b></p> <p><b><u>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của</u></b></p>	<p>3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải <i><b>nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</b></i></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</p>	<p>Viết theo khoản 2 điều 16 Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC</p>

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p><b><u>cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u></b></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>		
<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
<p><b>Điều 15. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>	<p><b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <b><i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%)</i></b></p>	<p>Viết lại theo khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều <b>16</b> và Điều <b>18</b> Điều lệ này.</p> <p>3.</p>	<p><i>tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều <b>17</b> và Điều <b>19</b> Điều lệ này.</p>	

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p><b>Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p>	
<p>2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <b><u>không sớm hơn</u></b> 10 (mười) ngày trước ngày gửi <b><u>giấy</u></b> mời họp Đại hội đồng cổ đông; <b><u>chương trình họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</u></b></p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p><b>a.</b> Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <b>không quá</b> mười (10) ngày trước ngày gửi <b>thông báo</b> mời họp Đại hội đồng cổ đông <b><i>lần thứ nhất. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</i></b></p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả</p>	<p>Viết theo Khoản 2a Điều 18 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung theo Điểm b</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>đồng cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>đ. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>f. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>các cổ đông có quyền dự họp <b><i>theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i></b></p> <p>d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p><b><i>f. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</i></b></p> <p>g. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <b><i>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></b></p> <p><b><i>h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</i></b></p> <p>i. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung thêm nội dung về bỏ phiếu điện tử</p>
<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <b>10 (mười)</b> ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <b><i>bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký</i></b>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <b>21 (hai mươi mốt)</b> ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông</p>	<p>Khoản 2 điều 143 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp ;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p><b><u>e. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></b></p>	<p>báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Bỏ tài liệu mẫu ủy quyền sự do ủy quyền bằng văn bản theo pháp luật về dân sự, không bắt buộc mẫu của công ty tại khoản 3 điều 15 Quy chế sửa đổi tại cột (2)</p>
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b><u>được đề cập</u></b> tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền <b><u>đề xuất các</u></b> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <b><u>Đề xuất</u></b> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <b><u>Đại hội đồng cổ đông</u></b>. <b><u>Đề xuất</u></b> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b><i>theo quy định</i></b> tại <b><i>khoản 3 Điều 11</i></b> Điều lệ này có quyền <b><i>kiến nghị</i></b> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <b><i>Kiến nghị</i></b> phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <b><i>cuộc họp</i></b>. <b><i>Kiến nghị</i></b> phải ghi rõ tên cổ đông , <b><i>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn</i></b></p>	<p>Viết theo điều 142 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><i>cuộc công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</i></p>	
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b><u>Đề xuất</u></b> được gửi đến không đúng <b><u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</u></b>;</p> <p>b. Vào thời điểm <b><u>đề xuất</u></b>, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <b><u>10%</u></b> cổ phần phổ thông <b><u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u></b> theo quy định tại <b><u>Khoản 3 Điều 10</u></b> Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <b><u>đề xuất</u></b> không thuộc <b><u>phạm vi</u></b> thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và <b><u>thông qua</u></b>.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào</p>	<p>5. <i><b>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</b></i> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. <i><b>Kiến nghị</b></i> được gửi đến không đúng <i><b>quy định tại khoản 4 Điều này</b></i>;</p> <p>b. Vào thời điểm <i><b>kiến nghị</b></i>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <i><b>5%</b></i> cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại <i><b>khoản 3 Điều 11</b></i> Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <i><b>kiến nghị</b></i> không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
<p><b>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ <b>số lượng đại biểu cần thiết</b> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ 2 và trong trường hợp này đại hội</p>	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ <b>điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này</b> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên;</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần</p>	<p>Sửa theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa lại theo khoản 2 điều 145 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất</p>	<p>thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
<p><b>Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p><u>2.</u> Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến (phiếu trắng) để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.</p>	<p><b>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p><i>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp hoặc qua thư, fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức đại hội chỉ định một số người vào Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần xuất trình như sau:</i></p> <p><i>- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;</i></p>	

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
	<p><i>- Trong trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp thì phải xuất trình: Giấy ủy quyền và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được ủy quyền và bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của người ủy quyền.</i></p> <p>c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết <i>và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)</i>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó; Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</p> <p><i>d. Trường hợp biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông giơ thẻ lựa chọn các phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”.</i></p> <p><i>e. Trường hợp biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp và bỏ các phiếu biểu quyết đó vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến</i></p>	

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
	<p><i>biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.</i></p> <p>f. Khi tiến hành kiểm thẻ biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến (phiếu trắng) để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.</p>	
	<p><i>d. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử;</i></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung tiến hành với TH họp trực tuyến</p>
<p>3. Cổ đông <u>đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.</p>	<p>e. Cổ đông, <i>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký.</i> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>Viết theo khoản 6 điều 146 Luật doanh nghiệp</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp <b><u>không có người có thể làm</u></b> chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội cổ đông điều khiển Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p>	<p><b>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</b></p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập</b>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp <b>không bầu được</b> người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định <b>tại điểm a khoản này</b>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Khoản 2 điều 146 Luật doanh nghiệp</p>
<p>5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Chuyển ý kiến dưới lên cho liên mạch</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại <b><u>Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 6</u></b> Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội <b><u>có thể tiến hành các hoạt động</u></b> cần thiết để điều <b><u>khẩn</u></b> Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp <b><i>tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc</i></b> và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>5. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>6. Chủ tọa <b><i>có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý</i></b> để điều <b><i>hành</i></b> cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối mất trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Đảm bảo an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có</p>	<p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Đảm bảo an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p><b>Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p><b><u>2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng</u></b></p>	<p><b><i>Bỏ</i></b></p>	<p>Lược bỏ do đã quy định</p>

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p><b><u>hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></b></p> <p><b><u>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</u></b></p> <p><b><u>b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;</u></b></p> <p><b><u>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</u></b></p> <p><b><u>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></b></p> <p><b><u>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></b></p> <p><b><u>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>h. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;</u></b></p> <p><b><u>i. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u></b></p>		<p>tại khoản 1 điều 14 Điều lệ sửa đổi tại cột (2)</p>
<p><b><u>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a. Được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 51%</u></b></p>	<p><b><i>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này:</i></b></p> <p><b><i>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i></b></p>	<p>Điều chỉnh nội dung, cấu trúc diễn đạt theo khoản 1, khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p><b><u>(năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</u></b></p> <p><b><u>b. Đối với nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; tổ chức lại; giải thể Công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán thì phải được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</u></b></p>	<p><i>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</i></p> <p><i>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</i></p> <p><i>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</i></p> <p><i>e. Tổ chức lại, giải thể công ty</i></p> <p><i>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 6 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.</i></p>	
<p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu</p>	<p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu</p>	<p>Thêm nội dung phương thức bầu khác tùy theo Quy chế bầu cử tại mỗi</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này;</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <b><u>năm mươi một phần trăm (51%)</u></b> tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. <i><b>Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</b></i></p> <p>5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu <i><b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b></i> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>8. <i><b>Trong trường hợp Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi</b></i></p>	<p>cuộc họp</p> <p>Sửa theo khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
	<p><i>quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</i></p> <p><i>9. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 8 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</i></p>	
<p><b>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</p>	<p>Viết theo điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>của Công ty <u>kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p><i>bao gồm cả các nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức họp hoặc để thuận lợi cho cổ đông cũng như tiết kiệm chi phí cho Công ty và cổ đông.</i></p>	
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <u>ít nhất 15 (mười lăm) ngày</u> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 16</u> Điều lệ này.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <i>chậm nhất là mười (10) ngày</i> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. <i>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp.</i> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 17</i> Điều lệ này.</p>	<p>Viết theo điều 149 Luật doanh nghiệp</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ</u></p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân</i> đối với cổ đông là cá nhân;</p>	<p>Viết theo Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp</p>

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p><b><u>chiếu hoặc chứng thực cá nhân</u></b> hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <b><u>số quyết định thành lập</u></b>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về</p>	<p>tên, mã số doanh nghiệp hoặc <b><i>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</i></b>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p>Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p>	<p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p>	<p>Bỏ nội dung “gửi đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày” do không còn phù hợp</p>

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p>e. Các nghị quyết đã được thông qua;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo Pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b><u>hoặc gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày</u></b>, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b><u>ít nhất 51%</u></b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu <b><i>trên năm mươi phần trăm (50%)</i></b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p><b>Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;</p> <p>g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản <b>và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</b>. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 điều 150 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm i khoản 1 điều 150 Luật doanh nghiệp</p>

<p style="text-align: center;"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(1)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(2)</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>(3)</b></p>
<p>f. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b><u>hoặc gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày</u></b>, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	<p>quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. <b><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></b></p> <p>j. Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có được áp dụng.</p> <p>2. <b><i>Nghị quyết</i></b>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. <b><i>Nghị quyết</i></b>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, <b><i>cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán</i></b> trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo thực tế công ty và khoản 5 điều 150 luật doanh nghiệp.</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>6. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	
<p><b>Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <b><u>Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này</u></b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b><u>Khoản 3 Điều 11</u></b> Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>4. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ</p>	

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p>Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>này.</p>	
<p align="center"><b>VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p align="center"><b>VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	
<p><b>Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p>	<p><b>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <b>ít nhất sáu (06) tháng</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>b. Trình độ chuyên môn;</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. Các các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)</p> <p>g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>h. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <b>từ mười phần trăm (10%)</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được</p>	<p>Sửa theo khoản 2 điều 25 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 4 điều 11 Điều lệ này</p> <p>Viết theo khoản 3 Điều 25 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 25 Phụ lục II Thông</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <b><i>theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i></b>, Hội đồng quản trị đương nhiệm <b><i>giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức</i></b> đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. <b><i>Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua.</i></b> Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p><b><i>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></b></p>	<p>tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên là năm (5) đến bảy (7) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><u>Hội đồng quản trị nhiệm kỳ vừa kết thúc</u></b> tiếp tục hoạt động cho tới khi Hội đồng quản trị mới được bầu và</p>	<p><b>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) thành viên.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><i>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ</i></b> thì các thành viên đó tiếp</p>	<p>Viết theo khoản 3 điều 154 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>tiếp quản <b>Công ty</b>.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều <b>18</b> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty;</p> <p>c. Là cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hay trong ngành, nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 5 năm tính đến ngày ứng cử, đề cử;</p> <p>d. Các điều kiện khác theo Quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản <b><i>công việc</i></b>.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều <b>17</b> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty;</p> <p>c. Là cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hay trong ngành, nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 5 năm tính đến ngày ứng cử, đề cử;</p> <p>d. Các điều kiện khác theo Quy định của Pháp luật.</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><b><i>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</i></b></p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên</p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ rằng người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p>	<p>Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên <b>Hội đồng quản trị</b> bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức <b>và được chấp thuận</b>;</p> <p>c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;</p> <p><b>d. Công ty bị phá sản, giải thể;</b></p> <p><b>e.</b> Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó đã kết thúc hoạt động hoặc thành viên đó không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức.</p> <p><b>6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</b></p>	
<p><b><u>5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp</u></b></p>	<p><b>Bỏ</b></p>	<p>Bỏ nội dung này do đã quy định tại điểm a khoản 4 điều 13 cột (2)</p>

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p><b><u>Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</u></b></p>		
<p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><b>Điều 25. Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty thuộc thẩm quyền của mình.</p>	<p><b>Điều 26. Quyền hạn và <i>nghĩa vụ</i> của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty thuộc thẩm quyền của mình.</p>	<p>Viết theo điều 27 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp; Điều lệ này và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp; Điều lệ này và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><i>a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;</i></p> <p><i>b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;</i></p>	

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>a. Xây dựng định hướng phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty <b><u>và quyết định mức lương của họ;</u></b></p>	<p><i>c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</i></p> <p><i>d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</i></p> <p><i>e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</i></p> <p><i>f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;</i></p> <p>n. Xây dựng định hướng phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>o. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, <b><i>quy chế quản lý nội bộ của Công ty</i></b>; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; <b><i>quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo</i></b></p>	<p>Bổ sung theo Điểm 1 khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo Điểm i khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p>d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>e. Đề xuất các loại <b><u>cổ phiếu</u></b> có thể <b><u>phát hành</u></b> và tổng số cổ phiếu <b><u>phát hành</u></b> theo từng loại;</p> <p>f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, <b><u>cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi (trừ cổ phần của Nhà nước) trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></b></p> <p>h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; Trình báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức</p>	<p><i>ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</i></p> <p>q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>r. Đề xuất loại <b><i>cổ phần</i></b> và tổng số <b><i>cổ phần</i></b> được quyền <b><i>chào bán</i></b> của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần;</p> <p>s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>t. Quyết định chào bán trái phiếu, <b><i>bao gồm loại trái phiếu, giá chào bán, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm f Khoản này, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.</i></b></p> <p>u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; Trình báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>v. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức</p>	<p>Viết theo Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p> <p>Viết theo điểm b khoản 1 điều 130 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung chi tiết theo</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>j. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p>	<p>tạm ứng; <i>quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i></p> <p>w. <i>Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</i> Quyết định ban hành <i>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị</i>, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>x. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể công ty; <i>yêu cầu phá sản công ty;</i></p> <p>y. <i>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i></p> <p>z. <i>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p>aa. <i>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>bb. <i>o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>điểm o khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p> <p>Viết theo điểm q khoản 2 Điều 27 Phụ lục I tại TT116/2020/TT-BTC</p> <p>Điểm p khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung theo điểm c, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p>	<p><i>theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Điều lệ này;</i></p> <p>cc. <i><b>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></i>, báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>dd. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Công ty;</p> <p>c. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 13<del>5</del>, khoản 1 và khoản 3 Điều 16<del>2</del> của Luật Doanh nghiệp (quy định về hợp và giao dịch giữa Công ty và các đối tượng đặc biệt).</p> <p>d. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 16<del>2</del> của Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Công ty;</p> <p>c. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 13<del>8</del>, khoản 1 và khoản 3 Điều 16<del>7</del> của Luật Doanh nghiệp (quy định về hợp và giao dịch giữa Công ty và các đối tượng đặc biệt).</p> <p>d. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 16<del>7</del> của Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>Cập nhật lại dẫn chiếu do thay đổi của Luật doanh nghiệp</p> <p>Cập nhật lại dẫn chiếu do thay đổi của Luật doanh nghiệp</p>

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p>đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch;</p> <p>g. Việc mua bán cổ phần, phần góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông <b><u>về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám</u></b></p>	<p>e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch;</p> <p>g. Việc mua bán cổ phần, phần góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông <b><i>kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày</i></b></p>	<p>Viết theo khoản 3 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
<p><b><u>đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u></b></p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p><b><i>31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></b></p> <p>6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác thay mặt cho Hội đồng quản trị đại diện xử lý công việc của Công ty.</p> <p><b><i>7. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</i></b></p> <p><b><i>a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</i></b></p> <p><b><i>b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</i></b></p> <p><b><i>c. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó được qui định tại điểm b Khoản 13 Điều 29 Điều lệ Công ty.</i></b></p>	<p>TT116/2020/TT-BTC</p>

<p>Điều lệ công ty hiện hành</p> <p>(1)</p>	<p>Nội dung sau sửa đổi</p> <p>(2)</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>(3)</p>
	<p><i>d. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty; <b>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.</b></i></p> <p><i>e. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>f. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>g. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên</i></p>	

<p><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p><b>(1)</b></p>	<p><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p><b>(2)</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p><b>(3)</b></p>
<p><b>Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các</p>	<p><b><i>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.</i></b></p> <p><b>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. <b><i>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</i></b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện</p>	<p>Bổ sung theo Điều 28, Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>

<p align="center"><b>Điều lệ công ty hiện hành</b></p> <p align="center"><b>(1)</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung sau sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(2)</b></p>	<p align="center"><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p align="center"><b>(3)</b></p>
<p>tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 28, Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p><b><u>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.</u></b></p> <p><b><u>2. Trước thời điểm quy định tại khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này có hiệu lực, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công</u></b></p>	<p><b>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p><b><i>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</i></b></p> <p><b><i>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</i></b></p>	<p>Viết lại theo khoản 1, khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp</p>

<p><b><u>ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></b></p>		
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị <b><u>hoặc tổ chức</u></b> chương trình nội dung, tài liệu phục vụ việc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của các thành viên Hội đồng quản trị, đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị, kiến nghị đại hội đồng cổ đông về việc bãi nhiệm tư cách thành viên hội đồng quản trị, bổ sung thành viên hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Các quyền và <b><u>nhiệm vụ</u></b> khác theo quy định của Pháp luật</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và <b><i>nghĩa vụ</i></b> sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, <b><i>chủ trì</i></b> và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua <b><i>nghị quyết</i></b>, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các <b><i>nghị quyết</i></b>, quyết định của Hội đồng quản trị, đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị, kiến nghị đại hội đồng cổ đông về việc bãi nhiệm tư cách thành viên hội đồng quản trị, bổ sung thành viên hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyền và <b><i>nghĩa vụ</i></b> khác theo quy định của Luật doanh nghiệp <b><i>và Điều lệ công ty.</i></b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt <b><i>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình</i></b> thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>Sử dụng thuật ngữ theo khoản 3 Điều 29 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 điều 156 Luật doanh nghiệp</p>

<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công</p>	<p>quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. <i>Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;</i></p> <p><i>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;</i></p> <p><i>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;</i></p> <p><i>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</i></p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
--	---	---------------------------

<p>ty. Thư ký có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b><u>Điều 152, Điểm 5</u></b> Luật doanh nghiệp.</p> <p><b><u>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></b></p> <p>7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>lệ Công ty. <i>Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</i></p> <p><i>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</i></p> <p><i>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</i></p> <p><i>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</i></p> <p><i>đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</i></p> <p><b><i>Bỏ</i></b></p> <p>6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị <b><i>có đơn</i></b> từ chức hoặc bị <b><i>miễn nhiệm</i></b>, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày <b><i>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</i></b></p>	<p>Do đã quy định tại khoản 1 điều này cột (2)</p> <p>Bổ sung chi tiết</p>
<p><b>Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. <b><u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</u></b> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01)</p>	<p>1. <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị</i></b> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b><i>hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.</i></b> Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu và ngang nhau thì các thành viên bầu</p>	<p>Diễn đạt lại theo khoản 1 điều 157 Luật doanh nghiệp</p>

thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:  a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người <b><u>điều hành</u></b> khác;  b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;  c. Ban kiểm soát.  d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:  a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm 05 người <b><i>quản lý</i></b> khác;  b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;  c. Ban kiểm soát.  d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	Sử dụng thuật ngữ “quản lý” thay “điều hành” theo khoản 3 điều 157 Luật doanh nghiệp.  <b><i>Lý do:</i></b> khái niệm <i>người quản lý</i> tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều lệ sửa đổi cột (2) rộng hơn khái niệm người điều hành tại điểm e khoản 1 điều 1 Điều lệ sửa đổi.
	<b><i>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</i></b>	Bổ sung theo khoản 4 điều 157 Luật doanh nghiệp
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ	5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề	

<p>tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của <b><u>kiểm toán viên độc lập</u></b>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên <b><u>ít nhất năm (05) ngày làm việc</u></b> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p><b>(Bổ)</b></p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên <b><i>chậm nhất là ba (03) ngày làm việc</i></b> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Lược bỏ theo điều 30 PL 1 TT 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Sửa thời hạn gửi thông báo mời họp chậm nhất từ 05 ngày làm việc trước ngày họp thành chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp theo khoản 6 Điều 157 Luật doanh nghiệp.</p>
--	--	---

<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <b><u>lại</u></b> trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <b><u>lại</u></b> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận <b><i>bằng văn bản và gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.</i></b></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập <b><i>lần thứ hai</i></b> trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <b><i>lần thứ hai</i></b> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự</i></b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 9</p>

	<p><i>và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</i></p> <p><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i></p> <p><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</i></p> <p><i>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</i></p>	<p>điều 30 Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b><u>Chuyển khoản 13 điều 28 cột (1) lên đây</u></b></p>	<p><i>11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</i></p> <p><i>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><i>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng</i></p>	<p>Do nội dung này thuộc phạm vi hình thức dự họp</p>

<p>Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền <b><u>trực tiếp có mặt</u></b> với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p><b><u>Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></b></p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <b><u>số lượng đại biểu</u></b> tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p>	<p><b><i>phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</i></b></p> <p>12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>13. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 10 Điều này <b><i>tham dự</i></b> với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p><b><i>Chuyển lên khoản 12 điều này cột (2)</i></b></p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <b><i>tỷ lệ thành viên</i></b> tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>Chuyển nội dung này từ khoản 9 điều 28 cột (1) lên khoản 13 điều 29 cột (2) về hình thức dự họp (hình thức biểu quyết từ xa)</p> <p>Sử dụng thuật ngữ “tham dự” do ngoài trực tiếp có mặt thì còn có thể dự họp dưới hình thức bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết từ xa, ...</p> <p>Chuyển do nội dung này thuộc phạm vi hình thức dự họp</p> <p>Điều kiện tiến hành dự họp tính theo tỷ lệ thành viên (tối thiểu <math>\frac{3}{4}</math> trên tổng số thành viên HĐQT) theo khoản 10 điều 29 cột (2)</p>
---	--	---

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ** này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 13 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều **42** Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra

<p>quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>12. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</p>	<p>nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>16. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</p>	
<p><b><u>13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></b></p> <p><b><u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></b></p> <p><b><u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những</u></b></p>	<p><b><i>Chuyển lên khoản 11 điều 29 cột (2)</i></b></p>	<p>Do nội dung này thuộc phạm vi hình thức dự họp</p>

<p><b><u>phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></b></p>		
<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	<p>17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	
<p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>19. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối</p>	

nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông **đối với công ty niêm yết**. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù

#### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị

<p>hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p><b><i>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</i></b></p> <p><b><i>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</i></b></p> <p><b><i>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</i></b></p> <p><b><i>a. Có hiểu biết về pháp luật;</i></b></p> <p><b><i>b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</i></b></p> <p><b><i>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</i></b></p> <p><b><i>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:</i></b></p> <p><b><i>- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;</i></b></p> <p><b><i>- Có đơn từ chức và được chấp thuận;</i></b></p> <p><b><i>- Không hoàn thành các công việc được giao;</i></b></p>	<p>Bổ sung theo điều 32 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
--	---	--

- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát/~~Ủy ban kiểm toán~~ và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp

	<i>luật và Điều lệ công ty.</i>	
<b>VII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	<b>VII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
<b>Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	<b>Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	
Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <b><u>thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</u></b>	1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng <b><i>và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</i></b> Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <b><i>thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</i></b>  2. Các cán bộ quản lý khác của Công ty bao gồm Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất... do <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i></b> bổ nhiệm <b><i>trên cơ sở</i></b> phương án cơ cấu tổ chức mà Tổng Giám đốc đã kiến nghị với Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo điều 33 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp</b>	<b>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</b>	
1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và <b><u>chất lượng</u></b> phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.  2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội	1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và <b><i>tiêu chuẩn</i></b> phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. <b><i>Nhiệm kỳ của người điều hành doanh nghiệp là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></b>	

<p>đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p> <p><b>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 điều 34 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p><b>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc và người điều hành khác</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p><b>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</b> Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại <b>với số nhiệm kỳ không hạn chế.</b> Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp</p>

<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</p> <p>b. Là cổ đông của Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty ít nhất 3 năm tính đến ngày xem xét.</p>	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</p> <p>b. Là cổ đông của Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty ít nhất 3 năm tính đến ngày xem xét.</p> <p>4. <i>Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</i></p> <p>a) <i>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;</i></p> <p>b) <i>Là người có trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn ứng với từng vị trí công việc cụ thể; là người có tinh thần trách nhiệm cao, có sự cẩn cần thiết để quản lý, điều hành các hoạt động được giao phó phụ trách và đạt được các mục tiêu đề ra;</i></p> <p>c) <i>Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.</i></p>	
<p>4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề <u>mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại,</u></p>	<p>5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <i>Tổ chức thực hiện</i> các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề <i>thuộc thẩm quyền và các vấn đề khác được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ủy quyền.</i></p>	

<p><b><u>tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất:</u></b></p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>	<p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật,</p>	
---	--	--

<p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc thay thế.</p>	<p>Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc thay thế.</p> <p>8. Người điều hành doanh nghiệp xin từ nhiệm phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ nhiệm. Trong thời gian chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đơn từ chức của người đó;</li> <li>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</li> <li>- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</li> </ul> <p>b) Các trường hợp bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật</li> </ul>	
---	---	--

	<p>nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.</li> </ul>	
<b>VIII. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>VIII. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 33. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b>	
<p>1. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>1. <i>Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.</i> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty <i>và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</i> Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Bổ quy định nắm giữ tối thiểu 06 tháng theo khoản 4 Điều 11 Điều lệ sửa đổi</p> <p>- Bổ sung chi tiết hơn</p>
<b>Điều 34. Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát</b>	Viết theo điều 37 Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC
1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là	Bổ nội dung “ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán

<p>thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, <b><u>ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></b></p> <p>3. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>2. Kiểm soát viên phải từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, trình độ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p><b><u>Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u></b></p> <p><b><u>Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></b></p> <p><b><u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên</u></b></p>	<p>thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>2. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>3. Kiểm soát viên phải từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, trình độ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>viên” do Luật doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP không quy định.</p> <p>Sửa theo bổ cục tại Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
---	---	---

<p><b><u>quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p>		
<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p><b><u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></b></p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p><b><i>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></b></p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; <b><i>có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế;</i></b></p> <p><b>d.</b> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>Chuyển nội dung “Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục” xuống khoản 5 điều này cột (2) theo khoản 2 Điều 147</p> <p>Chuyển từ mục b khoản 4 điều 34 cột (1) xuống</p>

<p><i>Tiếp khoản 2 điều 34 cột này:</i></p> <p>Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <b><u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u></b></p> <p>Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</li> </ol>	<p><b><i>Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát</i></b></p> <p>1. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. <b><i>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i></b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</li> </ol>	
<p><b>Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li><b><u>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</u></b></li> <li><b><u>Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u></b></li> <li><b><u>Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng</u></b></li> </ol>	<p><b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p><b><i>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</i></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><b><i>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></b></li> <li><b><i>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</i></b></li> <li><b><i>Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội</i></b></li> </ol>	<p>Các nội dung tại khoản 1 điều 35 cột (1) đều đã được quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp =&gt; đề xuất viết “theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp” và bổ sung những quyền và nghĩa vụ khác theo điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 39 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>cổ đông.</u></p> <p><u>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</u></p> <p><u>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 10 Điều lệ này.</u></p> <p><u>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 10 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</u></p> <p><u>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người</u></p>	<p><i>đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</i></p> <p><i>d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i></p> <p><i>e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p> <p><i>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</i></p> <p><i>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p><i>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</i></p> <p><i>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</i></p> <p><i>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p><i>2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:</i></p>	<p>Chuyển từ khoản 4 điều 35 cột (1) lên</p>
--	---	--

<p><u>có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p><u>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</u></p> <p><u>k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></p> <p><u>l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>m. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u></p> <p><u>n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u></p> <p><u>o. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u></p> <p><u>p. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>q. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><i>a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</i></p> <p><i>b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</i></p> <p><i>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p><i>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>e. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d, Khoản 2, Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.</i></p> <p><i>f. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i></p>	
<p>2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội</p>	<p>3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội</p>	

<p>đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</p> <p>e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>5. Cuộc họp Ban kiểm soát:</p> <p>Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</p> <p>e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p> <p><b>Điều 39. Cuộc họp Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm, cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. <i><b>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác</b></i></p>	<p>Bổ sung theo điều 40 Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
--	--	--

<p>3. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:</p> <p>Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p>	<p><i>định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</i></p> <p><i>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</i></p> <p><b>Điều 40. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:</b></p> <p>Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p>	
<p><b><u>4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:</u></b></p> <p><b><u>a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</u></b></p> <p><b><u>b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một</u></b></p>	<p><i>Chuyển lên khoản 2 điều 38 cột này</i></p>	<p>Phù hợp logic các điều khoản (quyền, nghĩa vụ, trách của TV BKS rồi đến cuộc họp BKS, lương, thưởng, thù lao...)</p>

<p><u>cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</u></p> <p><u>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p><u>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>e. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm a,b,c và d, Khoản 4, Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.</u></p> <p><u>f. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p>		
<p><b>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.</b></p>	<p><b>IX. <span style="color: red;">TRÁCH NHIỆM</span> CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	
<p><b>Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p>	<p><b>Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p>	
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị,</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị,</p>	

<p>một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	
<p><b>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc</p>	

<p>nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị . Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán thành;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn</p>	<p>nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị . Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán</p>	
--	--	--

<p>độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>thành;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<p><b>Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể</p>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	

cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
<b>Không có</b>	<b>X. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	Bổ sung theo Điều 39 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty bản đề xuất sửa đổi
<b>Không có</b>	<p><b>Điều 44. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động</b></p> <p><b>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.</b></p> <p><b>2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.</b></p> <p><b>3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</b></p> <p><b>Điều 45. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b></p>	

	<p><i>1. Hội đồng quản trị mời đại diện Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm Tổng Giám đốc và một số người điều hành doanh nghiệp khác khi cần thiết. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành khác có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.</i></p> <p><i>2. Tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.</i></p> <p><i>3. Tại các cuộc họp của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban</i></p>	
--	---	--

	<p><i>Kiểm soát, Hội đồng quản trị và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.</i></p> <p><i>4. Việc triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>Điều 46. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</i></p> <p><i>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên, nghị quyết, biên bản họp và các tài liệu kèm theo trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty và theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.</i></p> <p><i>Điều 47. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc</i></p> <p><i>1. Tổng Giám đốc phải báo cáo các vấn đề sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i></p> <p><i>a) Kết quả thực hiện các nghị quyết và kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra;</i></p>	
--	--	--

	<p><i>tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính của Công ty, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm) và báo cáo khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>b) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</i></p> <p><i>c) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</i></p> <p><i>d) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</i></p> <p><i>2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các thành viên của Ban Tổng Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn</i></p>	
--	--	--

	<p><i>được giao.</i></p> <p><i>3. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền, của Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát một (01) bản để báo cáo.</i></p> <p><i>Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, theo kế hoạch hành động chung của Công ty.</i></p> <p><i>2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả, thuận lợi.</i></p> <p><i>3. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty theo các chiến lược, mục tiêu, kế hoạch phát triển đã được Đại</i></p>	
--	---	--

	<p><i>hội đồng cổ đông thông qua.</i></p> <p><i>4. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục, hiệu quả. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung cần ý kiến của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần phê duyệt và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</i></p> <p><i>5. Ban Kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (trong vòng không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra) để Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thêm cơ sở hoàn thiện công tác điều hành kinh doanh, công tác quản lý Công ty.</i></p> <p><i>Điều 49.       Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</i></p> <p><i>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính</i></p>	
--	--	--

	<p><i>phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</i></p> <p><i>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</i></p> <p><b>Điều 50.           Mối quan hệ với ban điều hành</b></p> <p><i>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</i></p> <p><b>Điều 51.           Mối quan hệ với Ban kiểm soát</b></p> <p><i>1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</i></p> <p><i>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có</i></p>	
--	---	--

	<i>trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</i>	
<b>Không có</b>	<b>XI. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</b>	Bổ sung theo Quy chế Quản trị nội bộ
	<p><b>Điều 52. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p><b>1. Phương thức đánh giá</b></p> <p><i>Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:</i></p> <p><i>a) Tự nhận xét, đánh giá;</i></p> <p><i>b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;</i></p> <p><i>c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.</i></p> <p><b>2. Tiêu chí đánh giá</b></p> <p><i>a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ</i></p>	

	<p><i>hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Việc đánh giá hoạt động được thực hiện định kỳ, sáu (06) tháng và hàng năm.</i></p> <p><i>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ</i></p> <p><b>Điều 53. Khen thưởng, kỷ luật:</b></p> <p><i>a) Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</i></p> <p><i>b) Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.</i></p> <p><i>c) Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.</i></p>	
<b>X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 54. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b>	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách	

<p>cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
<b>Điều 41. Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 55. Công nhân viên và công đoàn</b>	
1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho	1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng,	

<p>người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
<b>XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
<b>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</b>	<b>Điều 56. Phân phối lợi nhuận</b>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Trích lập các quỹ</p> <p>Lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân bổ và sử dụng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ đầu tư phát triển: tối thiểu mười lăm phần trăm (15%) lợi nhuận sau thuế.</li> <li>- Quỹ khen thưởng: tối đa mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế.</li> <li>- Quỹ phúc lợi: tối đa mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế.</li> <li>- Quỹ thưởng ban điều hành Công ty: tối đa năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế.</li> </ul> <p>3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng</p>	<p>Bỏ do luật không quy định</p>

<p>4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại thị trường Upcom có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại thị trường Upcom có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.</p>	
---	--	--

XIII. NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
Không có	<b>Điều 57. Tài khoản ngân hàng</b>	Bổ sung theo điều 52 Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC
<p><b>Điều 42. Năm tài chính</b></p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.</p> <p><b>Điều 43. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng</p>	<p><i>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</i></p> <p><i>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</i></p> <p><b>Điều 58. Năm tài chính</b></p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm.</p> <p><b>Điều 59. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia <i>và theo quy định pháp luật.</i> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống</p>	

<p>minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	
<p><b>XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b></p>	<p><b>XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>	
<p><b>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p>	<p><b>Điều 60. Báo cáo tài chính năm</b></p>	
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, <b><u>và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày</u></b> kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..</p> <p><b><u>1. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà</u></b></p>	<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <b><i>theo quy định của Pháp luật.</i></b></p> <p>2. Báo cáo tài chính năm <b><i>đã được kiểm toán</i></b> phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p><b><i>(Bỏ)</i></b></p>	<p>Sửa “90 ngày” thành “theo quy định pháp luật” do ĐHĐCĐ có thể tổ chức sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p><b><i>Bỏ nội dung công bố</i></b></p>

<p><b><u>Nội và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</u></b></p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p><b>(Bỏ)</b></p>	<p>BCTC bán niên và BCTC quý do đây là nghĩa vụ của công ty đại chúng vốn điều lệ trên 120 tỷ</p>
<b>Điều 45. Báo cáo thường niên</b>	<b>Điều 61. Báo cáo thường niên</b>	
Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
<b>XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	
<b>Điều 46. Kiểm toán</b>	<b>Điều 62. Kiểm toán</b>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập, kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập, kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu</p>	

<p>của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	
<b>XVI. CON DẤU</b>	<b>XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b>	
<b>Điều 47. Con dấu</b>	<b>Điều 63. Dấu của doanh nghiệp</b>	
<p><b><u>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. Con dấu Công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ. Công ty chỉ có 01 (một) con dấu doanh nghiệp. Con dấu được lưu giữ tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty.</u></b></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành và quy chế quản trị Công ty.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu <i>được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p> <p>2. <i>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</i></p> <p>3. <i>Người đại diện theo pháp luật sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</i></p>	Viết lại theo khoản 1 khoản 2 điều 58 Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 48. Chấm dứt hoạt động</b>	<b>Điều 64. Giải thể công ty</b>	
1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp	

<p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, <b><u>kể cả sau khi đã gia hạn;</u></b></p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định</p>	<p>sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty <b><i>mà không có quyết định gia hạn;</i></b></p> <p>b. Giải thể trước thời hạn Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <b><i>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</i></b></p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Sửa theo điều 207 Luật Doanh nghiệp</p>
<b>Điều 49. Gia hạn hoạt động</b>	<b>Bỏ</b>	<b>khoản 7 điều 2 Điều lệ sửa đổi đã quy định thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn</b>
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết <b><u>có mặt trực tiếp</u></b> hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <b><u>có mặt</u></b> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		
<b>Điều 50. Thanh lý</b>	<b>Điều 65. Thanh lý</b>	
<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội</p>	<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên</p>	

<p>đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau :</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	
<b>XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
<b>Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	<b>Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật</p>	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công</p>	

<p>Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu tổ chức công đoàn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.</p> <p>4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	
<b>XIX. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ TÍNH HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ</b>	<b>XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 52. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ và tính hiệu lực của Điều lệ</b>	<b>Điều 67.       Bổ sung, sửa đổi Điều lệ và tính hiệu lực của Điều lệ</b>	
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	
<p><b><u>3. Bản Điều lệ này gồm 19 Chương 52 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</u></b></p> <p><b><u>4. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.</u></b></p> <p><b><u>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</u></b></p> <p><b><u>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;</u></b></p> <p><b><u>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Tru sở chính của Công ty.</u></b></p> <p><b><u>5. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</u></b></p> <p><b><u>6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u></b></p>	<b>Chuyển nội dung này xuống Điều 59 về Hiệu lực thi hành</b>	
	<b>XXII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	
	<b>Điều 68.      Hiệu lực thi hành</b>	
<p>Khoản 3 Điều 52 cột (1)</p> <p>3. Bản Điều lệ này gồm <b>19</b> Chương <b>52</b> Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh nhất</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm <b>22</b> chương <b>68</b> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh nhất</p>	

<p>trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>4. Điều lệ được lập thành <b><u>mười (10) bản</u></b>, có giá trị như nhau.</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành <b><u>bốn (04) bản</u></b>, có giá trị như nhau <b><u>và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</u></b>.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--